

Bản án số: 55/2021/DS - ST.

Ngày: 13 - 9 - 2021.

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hoàng Bảo.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Thanh Rực;

Ông Nguyễn Hòa Hợp.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hiệp Văn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 215/2020/TLST-DS ngày 30/11/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2021/QĐXXST - DS, ngày 09 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng C; địa chỉ: Số x, Phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội..

*Người đại diện hợp pháp:* Ông Trương Quốc K – Phó Giám đốc phụ trách phòng giao dịch Ngân hàng C huyện L; địa chỉ: Ấp X, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn “Quyết định ủy quyền số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng C V/v Ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án” (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Kiều P, sinh năm 1965 và ông Nguyễn Chấn T, sinh năm 1987; cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Theo đơn khởi kiện lập ngày 21/9/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 15/12/2010, bà Nguyễn Thị Kiều P và ông Nguyễn Chấn T có làm giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay để vay của Ngân hàng C (gọi tắt là: Ngân hàng) số tiền 7.000.000 đồng theo chương trình vay hộ nghèo. Mục đích vay: chăn nuôi. Thời hạn vay 36 tháng, kỳ hạn trả nợ 12 tháng

một lần. Lãi suất 0,65%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay. Đến ngày 18/12/2010 được Ngân hàng phê duyệt và giải ngân vào ngày 21/12/2010 với số tiền là 7.000.000đồng và xác định hạn trả nợ cuối cùng là ngày 10/12/2015, bà P và ông T đã nhận đủ số tiền trên. Đến hạn trả nợ, bà P và ông T xin gia hạn nợ nên Ngân hàng cho gia hạn vào ngày 10/12/2015 trả nợ cuối cùng là ngày 10/12/2016, sau đó đến Ngân hàng tiếp tục gia hạn cho bà P và ông T vào ngày 10/12/2016 hạn trả nợ cuối cùng là ngày 10/11/2017. Tuy nhiên, từ 10/11/2017 đến nay bà P và ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận, Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn và nhiều lần yêu cầu bà P và ông T thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bà P và ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị Kiều P và ông Nguyễn Chấn T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ với tổng số tiền còn nợ đã quá hạn tính đến ngày 13/9/2021 là **10.157.691** đồng (gốc: 7.000.000 đồng, lãi **3.157.691** đồng).

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều P và ông Nguyễn Chấn T: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà P và ông T, nhưng bà P và ông T không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà P và ông T hai lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà P và ông T vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà P và ông T để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 107, 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng: Từ sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà Nguyễn Thị Kiều P và ông Nguyễn Chấn T nhưng bà P và ông T không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà P và ông T hai lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều P và ông Nguyễn Chấn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền vay gốc là 7.000.000đồng: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình Ngân hàng có cung cấp cho Tòa án giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay của bà Nguyễn Thị Kiều P và ông Nguyễn Chấn T, kèm theo sổ lưu tờ rời theo dõi nợ vay – thu nợ - dư nợ vào ngày 21/12/2010, mã món vay: 6000006200146390, bà P là người vay và ông T là người thừa kế, tại mục người vay có chữ ký tên Nguyễn Thị Kiều P và mục người thừa kế có chữ ký tên Nguyễn Chấn T và các giấy tờ khác có liên quan xác định Ngân hàng đã giải ngân số tiền 7.000.000đồng, bà P và ông T đã nhận đủ số tiền trên. Xét thấy việc ký kết giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay giữa bà Nguyễn Thị Kiều P và ông Nguyễn Chấn T với Ngân hàng theo sổ lưu tờ rời theo dõi nợ vay – thu nợ - dư nợ vào ngày 21/12/2010, mã món vay: 6000006200146390 là hoàn toàn tự nguyện. Tại thời điểm ký kết, các bên tham gia ký kết hợp đồng có đủ thẩm quyền và năng lực giao kết hợp đồng. Hợp đồng đảm bảo về mặt hình thức và nội dung, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật. Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều P và ông Nguyễn Chấn T trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các tài liệu, chứng cứ mà bên nguyên đơn cung cấp và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà P và ông T nhưng bà P và ông T không có ý kiến phản đối gì, xem như tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình nên đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định bà Nguyễn Thị Kiều P và ông Nguyễn Chấn T có thực hiện việc vay vốn của Ngân hàng C số tiền 7.000.000đồng và hiện nay chưa trả là có thật. Mặc dù bà P là người trực tiếp đứng tên người vay nhưng ông T là con ruột bà P, là thành viên của hộ, việc vay vốn của Ngân hàng chính sách mục đích phát triển kinh tế cho hộ gia đình, vì lợi ích chung của hộ. Căn cứ quy định tại Điều 107 Bộ luật dân sự năm 2005 *“Giao dịch dân sự do người đại diện của hộ gia đình xác lập, thực hiện vì lợi ích chung của hộ làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cả hộ gia đình”*. Vì vậy, bà Nguyễn Thị Kiều P và ông Nguyễn Chấn T phải cùng có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng C yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Kiều P và ông Nguyễn Chấn T phải trả nợ số tiền gốc 7.000.000đồng là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 290, Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về lãi suất: Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn buộc bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền lãi còn nợ tính đến ngày 13/9/2021 là 3.157.691đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay giữa bà Nguyễn Thị Kiều P và ông Nguyễn Chấn T với Ngân hàng theo sổ lưu tờ rời theo dõi nợ vay – thu nợ - dư nợ vào ngày 21/12/2010, mã món vay: 6000006200146390 xác định lãi suất cho vay trong hạn là 0,65%/tháng và lãi suất quá hạn là 0,85%/tháng. Lãi suất do các bên thỏa thuận là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Mặt khác, theo bảng kê tính lãi hộ Nguyễn Thị Kiều P đến ngày 13/9/2021 của nguyên đơn cung cấp thì sau khi vay bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn tiền lãi tính đến ngày 13/9/2021 là 1.656.833đồng, số tiền lãi còn nợ là 3.157.691đồng. Do vậy, việc bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiếp dư nợ gốc và lãi theo giao kết trong hợp đồng đã vi phạm hợp đồng cho vay mà các

bên đã ký kết, bị đơn là người có lỗi và là người vi phạm hợp đồng nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật. Như vậy, bị đơn phải hoàn trả cho Ngân hàng số tiền lãi theo giao kết trong hợp đồng tạm tính đến ngày 13/9/2021 là 3.157.691đồng và tiền lãi quá hạn của số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi trả xong nợ gốc là có căn cứ, phù hợp với nội dung Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao nêu rõ nội dung áp dụng án lệ về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên bà Nguyễn Thị Kiều P và ông Nguyễn Chấn T phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng C với tổng số tiền tính đến ngày 13/9/2021 là 10.157.691đồng, trong đó tiền nợ gốc 7.000.000đồng, tiền lãi 3.157.691đồng. Kể từ ngày 14/9/2021, bà P và ông T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán của khoản vay, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà P và ông T phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[4] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều P và ông Nguyễn Chấn T phải chịu 507.884đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 106, 107, 280, 285, 290, 471 và 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C: Buộc bà Nguyễn Thị Kiều P và ông Nguyễn Chấn T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng C dư nợ tính đến ngày 3/9/2021 với số tiền vay gốc là 7.000.000đồng (Bảy triệu đồng), tiền lãi là 3.157.691đồng (Ba triệu một trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm chín mươi một

đồng), tổng cộng là 10.157.691đồng (Mười triệu một trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm chín mươi một đồng).

*“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”.*

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kiều P và ông Nguyễn Chấn T phải chịu 507.884đồng (Năm trăm lẻ bảy nghìn tám trăm tám mươi bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền giao kết thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sóc Trăng (P Kiểm tra nghiệp vụ và Thi hành án);
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Hoàng Bảo**